

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 06/2026/KDTM-ST

Ngày: 11-6-2026

“V/v Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hoá”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Hùng.

2. Ông Nguyễn Hữu Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2026/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D;

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Mai H - Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Bà Lưu Thị Ngọc G, sinh ngày 22-3-1995; Căn cước công dân số H1 (có mặt);

2. Ông Hoàng Ngọc L, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 03808800214 (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Quốc T, sinh ngày 05-7-1985; Căn cước số 083085000428 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy uỷ quyền ngày 12-5-2026, Giấy uỷ quyền ngày 09-6-2026 của Công ty Cổ phần D.

Bị đơn: Công ty TNHH T3; địa chỉ trụ sở: Ấp V, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Bích L1, sinh ngày 14-11-1975; Căn cước công dân số 077175001787; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH T3; địa chỉ: Thôn C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần D do người đại diện theo uỷ quyền, trình bày:

Công ty Cổ phần D (sau đây viết tắt là Công ty D) và Chi nhánh Công ty TNHH T3 (sau đây viết tắt là Chi nhánh Công ty T3) có ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán thuốc số 258/TT-CDP2024 ngày 05-01-2024 và Hợp đồng mua bán thuốc số 180/TT-CDP2024 ngày 22-01-2024. Theo đó, Chi nhánh Công ty T3 đồng ý mua các loại hàng hóa là dược phẩm do Công ty D cung cấp theo Phụ lục đính kèm các Hợp đồng mua bán thuốc nêu trên.

Theo quy định tại Điều 4 của các Hợp đồng, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Chi nhánh Công ty T3 nhận đủ số lượng thuốc và Công ty D cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo quy định thì Chi nhánh Công ty T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D. Phía Công ty D đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ này tuy nhiên, Chi nhánh Công ty T3 và Công ty T3 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận giữa các bên.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 01-7-2025, giữa Công ty D và Chi nhánh Công ty T3 do bà Phạm Thị Bích L1 làm đại diện cũng đã xác nhận Chi nhánh Công ty T3 còn nợ Công ty D số tiền 535.589.796 đồng.

Vào các ngày 10-02-2025, 11-3-2025, 11-4-2025, 07-5-2025, 30-6-2025, Công ty D đã gửi các văn bản (Văn bản số 100225/TB-TCKT, Văn bản số 110325/TB-TCKT, Văn bản số 110425/TB-TCKT, Văn bản số 070525/TB-TCKT, Văn bản số 300625/TB-TCKT) để yêu cầu Chi nhánh Công ty T3 thực

hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ nhưng cho đến thời điểm hiện tại Chi nhánh Công ty T3 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Cụ thể như sau:

1. Hàng hóa T1 lịch T2 nhiệt tán theo các hóa đơn số 00032768, 00032773, 00032774 (vào ngày 09-7-2024) và các hóa đơn số 00037140, 00037141 (vào ngày 06-8-2024) với tổng số tiền còn nợ là 63.600.000 đồng x 5 hóa đơn = 318.000.000 đồng;

2. Hàng hóa Canasone C.B 5g theo các hóa đơn số 00033238, 00033239, 00033240, 00033241, 00033242 (vào ngày 12-7-2024) và hóa đơn số 00001091 (vào ngày 07-01-2025) với tổng số tiền còn nợ là 4.500.000 đồng x 5 + 30.000.000 đồng (hóa đơn số 00001091 ngày 07-01-2025) = 52.500.000 đồng;

3. Hàng hóa Pavinjec 40mg theo hóa đơn số 00035207 (ngày 24-7-2024) và hóa đơn số 00062145 (ngày 09-12-2024) với tổng số tiền còn nợ là 3.272.500 đồng + 3.397.500 đồng = 6.670.000 đồng;

4. Hàng hóa Phong thấp Khải Hà theo hóa đơn số 00059750 (ngày 09-12-2024), hóa đơn số 00064289 (ngày 31-12-2024) và hóa đơn số 00001823 (ngày 10-01-2025) với tổng số tiền còn nợ là 19.839.599 đồng + 59.400.000 đồng + 79.180.197 đồng = 158.419.796 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ của 04 mặt hàng trên là 535.589.796 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Nay, nguyên đơn yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D toàn bộ số tiền trên, Công ty D không yêu cầu Công ty T3 trả tiền lãi do vi phạm thời hạn thanh toán tính từ thời điểm vi phạm đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại Bản tự khai không ghi ngày tháng do bà Phạm Thị Bích L1 gửi cho Tòa án ngày 09-6-2026, xác nhận có việc mua bán thuốc giữa Chi nhánh Công ty TNHH T3 - Phòng khám T3 với Công ty Cổ phần D. Tính đến thời điểm hiện nay, số tiền thuốc mà Chi nhánh Công ty TNHH T3 - Phòng khám T3 còn thiếu của Công ty D là 535.589.796 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần D khởi kiện đối với Công ty TNHH T3 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán thuốc số 258/TT-CDP2024 ngày 05-01-2024 và Hợp đồng mua bán thuốc số 180/TT-

CDP2024 ngày 22-01-2024 đã ký giữa hai bên nên đây là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần D khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH T3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hoá xuất phát từ hoạt động của Chi nhánh Công ty TNHH T3. Chi nhánh Công ty TNHH T3 và Công ty TNHH T3 có địa chỉ trụ sở tại ấp V, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 1 Điều 30, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán thuốc số 258/TT-CDP2024 ngày 05-01-2024 và Hợp đồng mua bán thuốc số 180/TT-CDP2024 ngày 22-01-2024, thấy:

Hợp đồng mua bán thuốc số 258/TT-CDP2024 ngày 05-01-2024 và Hợp đồng mua bán thuốc số 180/TT-CDP2024 ngày 22-01-2024 mặc dù được ký giữa Chi nhánh của Công ty TNHH T3 với Công ty Cổ phần D nhưng người đại diện của Chi nhánh thực hiện việc ký kết Hợp đồng là bà Phạm Thị Bích L1 đồng thời cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T3. Việc ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, các bên đã thực hiện hợp đồng thông qua việc giao nhận hàng hóa theo các hóa đơn, xuất hóa đơn, thanh toán một phần nghĩa vụ và đối chiếu công nợ. Như vậy, thể hiện Công ty TNHH T3 đã chấp nhận lời đề nghị, đồng ý giao kết và đã thực hiện hợp đồng trên thực tế với Công ty Cổ phần D. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các bên phát sinh hiệu lực.

2.2 Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ 535.589.796 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng) từ các Hợp đồng mua bán thuốc, thấy:

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 01-7-2025, giữa Công ty D và Chi nhánh Công ty T3 do bà Phạm Thị Bích L1 làm đại diện cũng đã xác nhận Chi nhánh Công ty T3 còn nợ Công ty D số tiền 535.589.796 đồng.

Sau khi Toà án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn Công ty TNHH T3 do bà Phạm Thị Bích L1 là người đại diện theo pháp luật có văn bản xác nhận Công ty TNHH T3 còn nợ Công ty D số tiền từ Hợp đồng mua bán thuốc số 258/TT-CDP2024 ngày 05-01-2024 và Hợp đồng mua bán thuốc số 180/TT-CDP2024 ngày 22-01-2024 giữa Chi nhánh Công ty TNHH T3 với Công ty D là 535.589.796 đồng, Công ty TNHH T3 đồng ý trả số nợ này nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Xét thấy, các đương sự đều thống nhất thừa nhận nội dung trên nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Từ những phân tích trên thấy căn cứ vào Điều 50 của Luật thương mại buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần D số tiền còn thiếu từ hoạt động mua bán thuốc là 535.589.796 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể như sau: $[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (535.589.796 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 25.423.592 \text{ đồng}$ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm chín mươi hai đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 của Luật Thương Mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D đối với bị đơn Công ty TNHH T3 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá*”.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T3 phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D số tiền 535.589.796 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH T3 phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có ngạch 25.423.592 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm chín mươi hai đồng).

Nguyên đơn Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí. Trả lại cho nguyên đơn số tiền 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014018 ngày 05-3-2026.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 11-6-2026). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS KV 14, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga